



TUONG LAI

Động lực xã hội của phát triển kinh tế

Động lực xã hội có ý nghĩa quyết định đến phát triển kinh tế. Điều ấy thì có lẽ nhiều người nhất trí. Song có một sự thật là không mấy khi người ta đưa vấn đề ấy vào trong việc hoạch định một dự án kinh tế cụ thể, một chương trình trung hạn hay dài hạn và thậm chí ngay cả những cái gọi là chiến lược kinh tế xã hội, vấn đề *động lực xã hội* cũng không được thể hiện rõ.

Cũng như vậy, mọi người đều có thể thông suốt với cách xác định *mục tiêu xã hội* là cái đích nhằm tới của một chiến lược kinh tế xã hội. Thế nhưng khi vạch ra một dự án, một kế hoạch thật cụ thể thì mục tiêu ấy lại không thấy hiện diện trong những giải pháp.

Phải chăng vì *mục tiêu xã hội* của hoạt động kinh tế, *động lực xã hội* của hoạt động ấy hình như vẫn chưa xác lập thật rõ trong tư duy được phản ánh trên các văn kiện. Những khái

niệm "*chiến lược kinh tế - xã hội*", "*kế hoạch kinh tế - xã hội*" thường gây bối rối cho nhiều người khi cố gắng minh định thật rõ ràng nội dung cái gọi là "*xã hội*" trong những khái niệm ấy. Chúng xuất hiện thường xuyên trên mặt báo, trên các diễn đàn, trong các luận văn..., nhưng, trong nhận thức lý luận cũng như trong chỉ đạo thực tiễn vẫn bộc lộ nhiều điểm thiếu tường minh về nội dung xác định của chúng. Vì thế thường thì nội dung ấy được ghép nối vào những con số thống kê về giáo dục, về y tế, về giải quyết tệ nạn xã hội... sau khi đã trình bày rất dài dòng và tỉ mỉ về kinh tế. Cũng vì thế, có lần tôi đọc thấy trên một trang báo phản ánh về cuộc thảo luận tại một kỳ họp Quốc Hội với một dòng tít lớn: "*Quốc hội tiếp tục thảo luận: "Kinh tế đi lên nhưng xã hội lại có nhiều mặt đi xuống"*". Nội dung của "*kinh tế*" và của "*xã hội*" ở đây là gì?

Cũng bài báo đó đã dẫn ra một ý kiến rất sâu sắc của một đại biểu Quốc hội khác: "*Chúng ta đánh mất sự hài hòa trong quản lý xã hội nên tội ác ngày càng được trẻ hoá*". Có lẽ tôi phải mạo muội thêm hai chữ "*kinh tế*" vào sau từ "*quản lý*" để làm nổi rõ hơn sự sâu sắc đó. Chính là vì "*đánh mất sự hài hòa trong quản lý kinh tế và xã hội*" nên *tội ác ngày càng được trẻ hoá*". Cũng vì thế, theo lôgic của mối quan hệ kinh tế, xã hội phải chăng cần gọi những "*đi lên, đi xuống*", những "*trẻ hoá*" đó là những nghịch lý?

Là nghịch lý, vì điều ấy đi ngược lại mục tiêu phát triển kinh tế. Bởi lẽ, không thể tách vấn đề quản lý xã hội ra khỏi cái tổng thể *kinh tế xã hội* hoặc *xã hội kinh tế* của sự quản lý đó. Có thể chứng minh bằng những ví dụ rất cụ thể. Chẳng hạn, nếu muốn giải quyết về cơ bản tệ nạn mại dâm, thì *tạo công ăn việc làm* có thu nhập ổn định cho người đến tuổi lao động là giải pháp quyết định để họ khỏi phải rơi vào cái nghề ô nhục "định thân nuôi miệng" ngày càng "trẻ hoá" kia. Rồi những tệ nạn về trộm cướp, giết dọc, bắt trẻ em đi ăn xin, trẻ lang thang ở đường phố đô thị gia tăng..., cũng liên quan mật thiết đến việc làm ổn định cho người đến tuổi lao động. Mà muốn tạo việc làm ổn định thì phải có sự phát triển kinh tế bền vững.

Có nhiều nhân tố tác động đến sự phát triển bền vững, và tất cả đều phải thể hiện nhất quán tư tưởng chỉ đạo: *xã hội vừa là mục tiêu vừa là động lực của mọi hoạt động kinh tế*. Kinh tế không phát triển thì không thể có bất cứ một tiến bộ xã hội nào là bền vững cả. Chính vì thế mà Nghị quyết của Đại hội 9 xác định *"nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế"*. Nhưng để thực hiện được nhiệm vụ trung tâm đó, càng cần thiết phải khởi động, nuôi dưỡng và phát huy *động lực* cho sự phát triển nhằm hướng tới *mục tiêu xã hội* của sự phát triển ấy. Không thường xuyên tạo ra và bồi dưỡng *động lực xã hội* thì cũng không thể có sự phát triển bền vững của kinh tế.

Xã hội gắn với kinh tế như bóng với hình. Chính vì thế, để hiểu khái niệm *xã hội* trong ý nghĩa đích thực của nó thì cùng với việc đưa ra những con số thống kê về những hoạt động của giáo dục, y tế, thể dục thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội, xoá đói giảm nghèo.v.v... phải có cách nhìn rộng hơn về *"cái xã hội"* bao trùm lên mọi hoạt động của con người. Điều cần lưu ý là cái được gọi là *"cái xã hội"* ấy chỉ là để khu biệt một cách tương đối với cái gọi là *"cái kinh tế"* nhằm phân tích một thực thể mà trong thực tế chúng gắn với nhau tựa như hai mặt của một đồng xu. Tách ra chỉ để thực hiện một *thao tác trong tư duy* nhằm hiểu sâu về đối tượng mà *trong hiện thực* chúng luôn luôn gắn kết với nhau, đó là *đời sống con người*, cũng tức là *đời sống xã hội*.

C.Mác đã từng lý giải *"Xã hội-cho dù nó có hình thức gì đi nữa- là cái gì? Là sản phẩm của sự tác động qua lại giữa những con người. Liệu con người có được tự do trong việc lựa chọn hình thức xã hội này hay hình thức xã hội khác hay không? Tuyệt đối là không!"*⁽¹⁾. Lọt lòng mẹ, con người đã có sẵn một xã hội mà nó không có quyền chọn lựa, cũng giống như đứa trẻ không chọn lựa được nơi nó sinh ra, không thể lựa chọn cha mẹ. Thế nhưng, theo Hegel, chính *con người tự sản sinh ra mình*. Bằng cách nào? *Bằng xã hội, trong xã hội*, nói chính xác hơn là *trong quá*

trình xã hội hoá⁽²⁾, trong *hoạt động thực tiễn*. Thông qua hoạt động thực tiễn, con người làm biến đổi đời sống xã hội và đồng thời cũng biến đổi chính mình. Chính vì thế mà C.Mác cho rằng *"bản chất con người không phải là một cái triêu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà những quan hệ xã hội"*⁽³⁾. Tôi buộc phải lưu ý rằng ở đây, cần hiểu thật kỹ cụm từ *"trong tính hiện thực của nó"* và thuật ngữ *"bản chất"*, để tránh sự suy diễn thô thiển gây ngộ nhận cực kỳ tai hại khi diễn đạt giản đơn: *"con người là tổng hoà của quan hệ xã hội"*. Không hề có con người như thế trong cuộc đời! Vì con người bao giờ cũng là con người cụ thể, *"con người này"* (Hegel).

Nếu cố tình tách riêng *"cái kinh tế"* ra khỏi *"cái xã hội"* mà trong đời sống hiện thực chúng cùng tồn tại *trong một thực thể* là đời sống con người, là

Những giải pháp kinh tế đáp ứng được đòi hỏi của cuộc sống sẽ góp phần cơ bản tạo ra động lực xã hội. Và ngược lại, chính động lực xã hội thúc đẩy sự thành công của những giải pháp kinh tế.

hoạt động của con người xã hội, nói một cách khác, *thực thể đó chính là xã hội*, thì sẽ dẫn đến những mơ hồ trong tư duy lý luận cũng như trong chỉ đạo thực tiễn. Chỉ khi nhận thức rõ ràng tạm thời tách chúng ra trong quá trình thao tác của tư duy để tìm hiểu về chúng, còn trong thực tế thì không hề có sự tách rời ấy, thì mới thật sự tường minh trong lý luận và sống phẳng trong hoạt động thực tiễn.

Nếu chỉ hiểu xã hội trong nội dung hạn hẹp của *những vấn đề xã hội* đã được liệt kê thì chưa đủ để thấy được *mục đích và động lực xã hội* của hoạt động kinh tế. Một khi *mục tiêu* đó chưa được quán triệt, *động lực* đó bị xói mòn hoặc bị triệt tiêu thì kinh tế

sớm muộn cũng bị chững lại.

Vì thế, khi nói về *kinh tế*, chính là nói đến *mặt kinh tế của đời sống con người trong xã hội*, cũng như vậy, khi nói về *văn hoá*, chính là nói về *chiều cạnh văn hoá cũng của đời sống ấy*. Về chính trị, về luật pháp đều như vậy cả. Và vì nói đến *xã hội* là nói đến *con người*, cho nên nếu nói lý tưởng của chúng ta là giải phóng con người, để cho *sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người*, thì tự do và hạnh phúc của con người trong xã hội là *mục đích* của mọi hoạt động của con người, trong đó *kinh tế* là lĩnh vực quyết định nhất, là nền tảng của mọi hoạt động. Chính trong lĩnh vực quyết định nhất ấy, *con người vừa là chủ thể, vừa là mục tiêu*. Nếu xác định được rõ điều ấy, thể hiện được điều ấy trong chiến lược, trong chính sách và trong từng giải pháp kinh tế, sẽ tạo ra *động lực xã hội* để thúc đẩy sự phát triển. Những giải pháp kinh tế đáp ứng được đòi hỏi của cuộc sống, tức là đáp ứng được nguyện vọng của con người, của những cộng đồng người trong xã hội sẽ góp phần cơ bản tạo ra *động lực xã hội*. Chính động lực ấy sẽ thúc đẩy sự thành công của những giải pháp kinh tế, tạo ra tốc độ cao của tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội, thực hiện được sự phát triển bền vững.

Như vậy là, *động lực xã hội* vừa là *nguyên nhân* của tăng trưởng kinh tế, vừa là *kết quả* của sự tăng trưởng đó. Đây là biện chứng của sự phát triển. Và cũng chính ở đây thể hiện rất sâu sắc sự gắn bó không thể tách rời giữa kinh tế và xã hội.

Cho nên, nếu như một tỉnh nọ có sự tăng trưởng GDP rất cao nhờ vào sự chuyển dịch hợp lý cơ cấu kinh tế và thu hút được nhiều đầu tư nước ngoài, thì để nhìn nhận và đánh giá về sự phát triển của tỉnh ấy, còn cần xem xét kỹ cách tổ chức đời sống cho mấy chục ngàn công nhân lao động đang làm việc trong những nhà máy nằm trên địa bàn. Hiện nay khá phổ biến là sự không tương xứng giữa đầu tư cho phát triển nhà máy và đầu tư

DIỄN ĐÀN

► cho chỗ ăn ở sinh hoạt, học hành, ốm đau, giải trí... của đời sống hàng vạn người lao động. Cảnh "Hát biu nhà trọ công nhân" với những "nỗi buồn của những phân đời chan đầy nước mắt, niềm đau của kiếp sống tha hương" phản ánh qua bài phóng sự trên báo Lao Động ngày 10.8.2003 chắc có thể tìm thấy ở tất cả những khu vực ngoại vi của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu vực liên doanh... Cả hệ thống chính trị từ cơ sở lên đến TƯ, nếu sự nhận thức sâu sắc về mục tiêu xã hội của hoạt động kinh tế, nếu hiểu được rằng, xét đến cùng, *kinh tế chỉ là phương tiện, con người mới là mục tiêu*, thì sẽ nảy sinh ra nhiều sáng kiến để thể hiện rõ mục tiêu đó trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Có thể chứng minh điều ấy bằng việc chỉ rõ một trong những nhân tố quyết định của việc khởi động và phát huy động lực xã hội là giải quyết đúng đắn mối *quan hệ sở hữu*, trước hết và quan trọng nhất là *sở hữu kinh tế*. Không giải quyết thật đúng đắn vấn đề này, không sao tạo ra được *động lực xã hội*. Sự phân tích kinh tế về sở hữu chỉ rõ sở hữu là quan hệ sản xuất, sở hữu cũng là thước đo của trình độ phát triển kinh tế, nó là tất yếu với trình độ đó và chỉ mất đi khi đã vượt lên một trình độ mới. Cũng vì thế, không hề có sự đối lập về *sở hữu pháp lý* và *sở hữu về kinh tế* mà chính là *sở hữu về pháp lý* xác lập và bảo vệ *sở hữu kinh tế* trong cuộc sống của mỗi con người là thành viên của xã hội. Bởi vậy, sở hữu là một tổ hợp các quyền về pháp lý cũng như về kinh tế, tổ hợp ấy có khả năng chia tách ra từng bộ phận. Tổ hợp *quyền sở hữu* ấy ít ra cũng gồm 8 quyền gọi là sở hữu: quyền sử dụng, quyền hưởng thụ, quyền chuyển nhượng, quyền thế chấp, quyền thừa kế, quyền mở mang, quyền thu hẹp hoặc thay đổi vật sở hữu từ bản chất chức năng, cơ cấu tổ chức, đến mục đích của vật sở hữu, quyền hiến tặng, quyền phá hủy hoặc thủ tiêu vật sở hữu miễn là không vi phạm pháp luật.

Khi nói về chế độ sở hữu, chỉ ít cũng phải nói đến 4 nhân tố quan



trọng : nguồn gốc của sở hữu , mục đích của sở hữu, quyền sở hữu và nghĩa vụ của sở hữu . Tôi muốn nói kỹ hơn về *mục đích của sở hữu* mà lâu nay chúng ta ít khi đặt nó đúng tầm. Mà vì vậy thường gây nên những ngộ nhận trong xử lý những mối quan hệ sở hữu, trong hoạch định các giải pháp chính sách. Cái lệch nặng nhất, theo tôi, là khi nói đến chế độ sở hữu, lại thường thiên về *quyền*, thường có xu hướng mở rộng dân cái quyền đó ra, mà xét về mặt xã hội cũng như về mặt kinh tế của sở hữu thì đều bất cập. Vì *quyền* thường gắn với *lợi*, nên xu hướng người có quyền thường tìm mọi cách kể cả cách bất hợp pháp để mở rộng nó ra nhằm thu được nhiều lợi. Chính điều này có tác động tiêu cực làm xói mòn *động lực xã hội* của phát triển kinh tế.

Điều phổ biến thường thấy là nhân danh quyền sở hữu tập thể, quyền sở hữu toàn dân nhưng thực chất là cá nhân đại diện cho cái quyền được mở

quá rộng đó để thu lợi về cho mình, cũng có khi cho một tập thể cục bộ mà trong đó, phần cá nhân của mình được thực hiện một cách khôn khéo với những thủ đoạn trắng trợn có, tình vi có. Ví dụ dễ thấy nhất là chuyện "quốc gia công thổ" trở thành một món hàng béo bở cho nhiều cá nhân hoặc một nhóm người nhân danh tập thể để mua bán đối chác. Sự kiện chiếm dụng đất của nhiều quan chức ở Khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô - Đăclăk là một ví dụ đang còn nóng hổi tính thời sự. Chẳng thế mà hơn 70% những vụ khiếu kiện kéo dài vừa qua là liên quan đến vấn đề đất đai!

Đồng thời với việc mở rộng quyền một cách tùy tiện như vậy lại có những hạn chế quyền cũng tùy tiện không kém. Chẳng hạn, hiện nay, người nông dân nhiều nơi vẫn chưa thực hiện được quyền "*mở mang, thu hẹp hoặc thay đổi vật sở hữu từ bản chất chức năng, cơ cấu tổ chức đến mục đích của vật sở hữu ấy*". Việc gặp rất khó khăn

trong chuyển đổi mục đích sử dụng trên mảnh đất thuộc quyền của mình là một ví dụ. Đành rằng ở đây có chuyện pháp lệnh về thổ canh, thổ cư, về đảm bảo diện tích trồng lúa nằm trong phạm vi đảm bảo an ninh lương thực, nhưng ở rất nhiều nơi việc vận dụng pháp lệnh ấy không tuân thủ những nguyên tắc tôn trọng quyền của người dân. Xác lập quyền sở hữu chính là để đảm bảo quyền tự quyết về mục tiêu sử dụng nhằm sản xuất cái gì lợi nhất cho người sở hữu. Không rõ ràng về điều này sẽ dẫn đến những trở ngại trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xâm hại đến lợi ích của dân.

Để phát triển nông nghiệp và nông thôn, một trọng điểm chiến lược của chúng ta hiện nay, thì phải *trao quyền tự chủ và đảm bảo quyền ấy* cho người nông dân. Với luật đất đai đã được ban hành, người được giao đất nông nghiệp có thể cho thuê, chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp, góp vốn... song vì thời hạn được giao hạn trong 50 năm cũng có nghĩa là không phải sở hữu, điều ấy liệu có làm cản trở việc đầu tư cải tạo, sử dụng khi sắp đến thời hạn quy định? Phải chăng đây cũng là điều kiện để những người có quyền lực chính trị ở địa phương có thể tự tung, tự tác? Và rồi những vấn đề tranh chấp đất đai lại sẽ bùng lên khi việc giao quyền ngắn hạn sử dụng đất công sắp đáo hạn. Chuyện đền bù trong việc giải toả nhằm thực hiện những công trình công cộng cũng tạo ra sự tùy tiện không tôn trọng quyền sở hữu của người dân mà nhiều nơi mang tính chất ban phát ân huệ, đẩy tới những xáo trộn, gây mất ổn định.

Vì vậy, việc chọn lựa hình thức sở hữu, công hữu hay tư hữu chỉ là *phương tiện* thực hiện mục đích phát triển kinh tế và thực hiện công bằng xã hội nhằm tạo *động lực xã hội*. Đó là vấn đề chọn lựa giải pháp thực tiễn nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất, cải thiện đời sống hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Nếu xác lập đúng tầm quan trọng của *mục đích sở hữu* thì sẽ không quá câu nệ trong việc đo đếm tỷ lệ phần trăm của tính chất sở hữu để thẩm định về trình độ của nền kinh tế. Bài học kinh nghiệm một thời của phong trào ò ạt tiến hành hợp tác hoá trong nông nghiệp, thậm chí trong những hoạt động dịch vụ, thương nghiệp, thủ công nghiệp là nhiều nơi chỉ khoác cái áo tập thể hợp tác để dễ bề yên lòng cấp trên chứ trên thực tế, cái đó không hề phản ánh một đòi hỏi nào của sự phát triển sản xuất, không phản ánh được trình độ kinh tế hiện có. Hiện tượng sở hữu kinh tế giả đó, về thực chất là kim hãm sản xuất và phát triển, là hang ổ của làm ăn gian dối, tham nhũng, đục khoét của công mà thôi. Trên ý nghĩa ấy, nếu đặt đúng tầm của *mục đích sở hữu* sẽ là điểm tựa lý luận cho việc hoạch định chính sách nhằm tạo *động lực xã hội* cho sự phát triển kinh tế. "Luật doanh nghiệp", Luật đầu tư", "Luật bản quyền tác giả" v.v.. nhằm coi trọng cho doanh nghiệp, cho người sản xuất, cho sáng kiến phát minh cũng là thể hiện rõ *mục đích sở hữu*, là hướng vào *mục tiêu xã hội* mà nội dung là dân giàu nước mạnh. Chính đó là điểm quy chiếu của các loại hình sở hữu.

Một vấn đề có ý nghĩa trực tiếp đến việc tạo *động lực xã hội* cần được đặc biệt quan tâm là tính năng động xã hội và vai trò chủ động và sáng tạo của cá nhân.

Thế kỷ thứ 20 là thế kỷ mà vai trò cá nhân được khẳng định cùng với sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng về khoa học và công nghệ gắn liền với sự xuất hiện của nền kinh tế tri thức. Khoa học và công nghệ thực sự đã trở thành sức sản xuất trực tiếp, chẳng những thế, hàm lượng tri tuệ trong sản phẩm sẽ ngày càng giữ vai trò hơn hẳn các nhân tố về tư liệu sản xuất, tiền vốn, nguyên liệu. Tất cả các ngành tăng trưởng nhanh nhất trong thập kỷ 90 của thế kỷ 20 cũng như mấy năm đầu của thế kỷ 21 đều là các ngành dựa trên sức mạnh của tri tuệ. Tài

nguyên thiên nhiên dường như đã bị gạt ra ngoài phương trình cạnh tranh. Các sản phẩm hiện đại chỉ sử dụng rất ít tài nguyên thiên nhiên. Giá tài nguyên thiên nhiên trong thập kỷ 90 của thế kỷ 20 đã giảm 60% so với thập kỷ 70. Người ta cho rằng, cuộc tranh chấp trong thế kỷ 21 chủ yếu sẽ diễn ra gay gắt trên lĩnh vực tranh chấp về sở hữu trí tuệ.

Sáng tạo và linh hoạt trong tư duy cũng như trong hành động là phẩm chất hàng đầu của con người sống trong thời đại của nền văn minh mới, nền văn minh trí tuệ. Trong nền văn minh đó, *"sự thay đổi vĩ đại nhất sẽ là sự thay đổi về tri thức-về bình thức và nội dung, về ý nghĩa của tri thức, về trách nhiệm của tri thức và về những đặc điểm của con người có giáo dục"*.⁽⁴⁾ Có một chiến lược nhằm hình thành cho được những con người như vậy để đưa đất nước phát triển, bứt lên khỏi nguy cơ tụt hậu đang là một đòi hỏi bức xúc của dân tộc. Chúng ta đang sống trong một thời đại mà *"cuộc cách mạng thông tin đang trên đường tiến tới. Đó không chỉ là cuộc cách mạng về công nghệ, về máy móc, về kỹ thuật, về phần mềm hay là về tốc độ. Mà đó trước hết là cuộc cách mạng về các quan niệm"*.⁽⁵⁾

Có lẽ, trong *"cuộc cách mạng về các quan niệm"* đó, có quan niệm về nguồn lực con người, về chất xám và hàm lượng của nó trong hoạt động kinh tế, trong sản phẩm kinh tế là có ý nghĩa cực kỳ to lớn. Và chính ở đây, càng thấy rõ sự gắn kết không thể tách rời của *kinh tế và xã hội*, càng hiểu rõ hơn *động lực xã hội* của *hoạt động kinh tế*. Chính động lực đó quyết định tính bền vững của phát triển kinh tế. ●

1. C.Mac&Ph.Angghen Toàn tập.

NXBCTQG.Tập 27.1995.tr.657.

2. Xin lưu ý thuật ngữ "xã hội học" trong chuyên ngành xã hội học tôi dùng ở đây khác với từ xã hội học đang được sử dụng rộng rãi với ý nghĩa huy động sức dân.tranh thủ sự đóng góp của cộng đồng đối với một số hoạt động như y tế, giáo dục... mà Nhà nước ôm không xuể.

3. C.Mac&Ph.Angghen Toàn tập.

NXBCTQG.Tập 3. 1995. tr.11.

4. S. Peter F. Drucker. "Post-Capitalist society" Harper Business 1993